

Bản án số: 163/2019/HSST

Ngày: 25/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Đình Lãng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Tuyết Vân.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Phú Tuấn - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 255/2019/TLST-HS, ngày 23/01/2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1998, tại tỉnh V; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, huyện M, tỉnh V; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Văn N và bà Trần Thị Mai T; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có chồng, con; Có 01 tiền án: Bản án số 70/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 tháng 05 ngày tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành hình phạt xong ngày 25/9/2019; Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 19/4/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 08/2017/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt. (Khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên nên không xem là tiền án)

- Ngày 26/02/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 năm 06 tháng tù theo Bản án số 04/2019/HSST.

- Ngày 26/7/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 43/2019/HSST. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của Bản án số 04/2019/HSST

ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm 06 tháng tù.

Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Long Hòa. (Có mặt)

2. Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1998, tại tỉnh V; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H 1, xã M, huyện M, tỉnh V; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị N; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có chồng, con; Tiền sự: Không;

Có 02 tiền án:

- Bản án số 56/2017/HSPT ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt bị cáo 03 tháng 02 ngày tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt;

- Bản án số 70/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 24/7/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm do bị cáo Hương kháng cáo nhưng tuyên y án sơ thẩm theo Bản án số 38/2018/HSPT, bị cáo chưa chấp hành hình phạt;

Nhân thân:

- Ngày 26/02/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 năm 06 tháng tù theo Bản án số 04/2019/HSST. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của bản án số 70/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 09 tháng tù.

- Ngày 26/7/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 43/2019/HSST. Tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án số 04/2019/HSST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 năm 09 tháng tù.

Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Long Hòa. (Có mặt)

Bị hại: Ông Võ Chí Ng, sinh năm 1998;

Nơi cư trú sinh sống: Ấp C, xã M, huyện M, tỉnh V. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Võ Hữu T, sinh năm 1973;

Nơi cư trú, sinh sống: Ấp C, xã M, huyện M, tỉnh V. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 10/7/2018, Lê Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Ngọc H uống cà phê tại quán cà phê “Phở” thuộc phường P, Quận 7 thì N nói với H là N có

một người bạn tên Võ Chí Ng, hiện đang làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh nên N bàn với H giả vờ gọi điện thoại cho anh Ng qua Quận 7 chở H về Quận 12. Nếu anh Ng đồng ý thì H sẽ đi về Quận 12 trước thu dọn đồ của 2 người ở phòng trọ để đi nơi khác nhằm không để anh Ng đi tìm, sau đó tìm cách hỏi mượn xe mô tô của anh Ng rồi mang đi bán lấy tiền tiêu xài. N gọi điện thoại cho anh Ng nhờ qua Quận 7 chở về Quận 12 thì anh Ng đồng ý.

Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, anh Ng điều khiển xe mô tô đến trước nhà số 1594 Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 2, phường Phú Mỹ, Quận 7 chở N về Quận 12. Trên đường về, N giả vờ hỏi mượn điện thoại hiệu Nokia 1208 của anh N để gọi điện thoại cho bạn rồi chiếm đoạt. Khi đến trước nhà số 20B2, Tổ 19 Khu phố 3A, phường Thạnh Lộc, Quận 12 thì N giả vờ nói anh Ng cho N mượn xe vào phòng trọ của bạn lấy đồ và bảo anh Ng đứng đợi thì anh Ng đồng ý. Sau đó, N điều khiển xe mô tô về phòng 102 khách sạn L trên đường H, phường Thạnh Lộc, Quận 12 và gọi điện thoại cho H về phòng trọ để chuyển phòng trọ, nhưng do đã khuya nên cả hai ở lại phòng trọ và bàn bạc tìm cách tiêu thụ xe mô tô đã chiếm đoạt. Lúc này, N tắt nguồn điện thoại, xóa kết bạn trên mạng xã hội facebook với anh Ng và chặn không cho tài khoản của anh Ng có thể nhắn tin hay xem trang facebook của N. Sau khi bàn bạc N và H chụp ảnh xe mô tô biển số 64G1-207.** của anh N đăng lên facebook “Bé Susu” của Nga với nội dung “Cần bán xe mô tô như hình” và để số điện thoại của N trên facebook để cho người mua xe liên lạc.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, có 01 người đàn ông (chưa rõ lai lịch) gọi điện thoại cho N hỏi mua xe mô tô biển số 64G1-207.**. N bán xe mô tô trên cho người đàn ông với giá 6.000.000 đồng và hẹn giao xe ở khu công nghiệp Tân Bình, trước công ty dầu ăn Nakydaco. Số tiền trên N và H đã tiêu xài hết.

Đối với điện thoại Nokia 1208, N và H đem bán ở cửa hàng điện thoại Phương O, địa chỉ số *** Đường T, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú bán cho người phụ nữ với giá 100.000 đồng. Quan làm việc với chị Nguyễn Thúy Oanh, là chủ tiệm điện thoại không thừa nhận đã mua chiếc điện thoại trên.

Theo Kết luận định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Quận 12 số 406/KLĐG ngày 19/9/2018 kết luận: Một xe mô tô biển số 64G1-207.**, số máy: E3T***1; Số khung: RLCUE170HY***, có giá 14.500.000 đồng; 01 điện thoại di động Nokia 1208, không nhớ số Imei (chưa thu hồi được), không có căn cứ để định giá.

Cáo trạng số 25/CTr – VKS, ngày 18/01/2019, của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, đã truy tố các bị cáo Lê Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Ngọc H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 và Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hình sự sơ thẩm hôm nay, bị cáo Lê Thị Tuyết N khai nhận: Bị cáo và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H là bạn học chung cấp 2 và có quan hệ tình cảm với nhau. Do không có công ăn việc làm, bị cáo và H thường thuê phòng trọ ở nhiều nơi khác nhau vì khi nào cần tiền tiêu xài thì cùng nhau đi chiếm đoạt tài sản của người khác. Trước ngày xảy ra vụ án hai ngày, bị cáo và bị cáo H chuyển từ tỉnh Vĩnh Long lên Thành phố Hồ Chí Minh thuê phòng trọ ở phường Thạnh Lộc, Quận 12 để sinh sống. Do hết tiền xài, bị cáo bàn với bị cáo H, bị cáo có một người

bạn tên là Võ Chí Ng, trước học cùng trường cấp 2, đang làm việc ở Quận 7, nên bị cáo sẽ rủ Ng đi uống cà phê, để giả vờ mượn xe mô tô của Ng, sau đó sẽ chiếm đoạt đem đi bán lấy tiền tiêu xài và bị cáo H đồng ý. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 10/07/2018, bị cáo và bị cáo H bắt xe sang Quận 7 để gặp anh Ng như bị cáo đã bàn trước với bị cáo H. Trên đường đi, bị cáo nói với bị cáo H khi nào Ng ra thì H về trước dọn sẵn đồ, rồi khi nào bị cáo chiếm đoạt được xe mô tô của anh Ng thì sẽ đem đi bán lấy tiền xài rồi chuyển đi chỗ khác ở tránh bị phát hiện. Khi anh N tới quán cà phê, bị cáo H về trước, uống cà phê xong, bị cáo nhờ anh Ng chờ bị cáo về Quận 12, khi gần tới phòng trọ, bị cáo nói anh Ng cho mượn xe để về dọn đồ, rồi cùng bị cáo H lên mạng đăng bán xe, và đã bán cho một người đàn ông ở khu công nghiệp Tân Bình, được 6.000.000 đồng, bị cáo giữ để dùng làm chi phí sinh hoạt hàng ngày cho bị cáo và bị cáo H.

Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H thừa nhận lời khai của bị cáo Lê Thị Tuyết N là đúng sự thật. Bị cáo thừa nhận do không có tiền tiêu xài nên khi nghe bị cáo N bàn bạc chiếm đoạt xe mô tô của anh Ng như lời khai của bị cáo Nga tại phiên tòa hôm nay thì bị cáo đồng ý. Sau khi bị cáo N chiếm đoạt được xe mô tô của anh Ng thì bị cáo và bị cáo N đăng hình xe mô tô trên lên mạng xã hội facebook rao bán và cùng nhau mang xe mô tô trên đến khu công nghiệp Tân Bình bán cho 01 người đàn ông với giá 6.000.000 đồng, tiền giao hết cho bị cáo N cất giữ để làm chi phí sinh hoạt hàng ngày.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án mặc dù đã được tòa án thông báo ngày giờ xét xử nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Trong đơn anh Võ Chí Ng yêu cầu các bị cáo Lê Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Ngọc H phải liên đới bồi thường cho anh 14.500.000 đồng, là giá xe mô tô biển số 64G1-207.10 anh bị chiếm đoạt trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Lê Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Ngọc H. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Lê Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt các bị cáo mức án từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về vật chứng vụ án: Không có gì nên đề nghị không xem xét.

Các bị cáo không tranh luận, chỉ nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng mức án khoan hồng nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, không khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung các bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, dùng nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

Đối với người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án mặc dù đã được tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định và thông báo ngày giờ xét xử nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Nhận thấy việc vắng mặt những chủ thể này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những chủ thể này là phù hợp quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, các bị cáo Lê Thị Tuyết N và Nguyễn Thị Ngọc H đã thừa nhận hành vi do các bị cáo thực hiện trong vụ án như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu;

Nhận thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra thể hiện qua các bản tự khai, bản tường trình, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi do từng bị cáo thực hiện trong vụ án cụ thể như sau:

Đối với bị cáo Lê Thị Tuyết N do cần tiền để chi phí sinh hoạt bị cáo đã bàn với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và thống nhất để bị cáo N giả vờ mượn xe mô tô của anh Võ Chí Ng, sau đó chiếm đoạt và cùng nhau đi bán. Thực hiện ý định trên, ngày 10/7/2018, bị cáo Lê Thị Tuyết N và bị cáo Hương đã đi từ Quận 12 sang Quận 7 để rủ anh Ng ra uống cà phê, sau đó bị cáo nói bị cáo H về trước dọn đồ đạc để sau khi bị cáo chiếm đoạt được xe, cả hai sẽ đem đi bán rồi chuyển chỗ ở để tránh bị phát hiện, còn bị cáo N ngồi lại, sau đó nhờ anh Ng chở về phường Thạnh Lộc, Quận 12. Về gần tới chỗ ở, bị cáo N đã giả vờ mượn xe mô tô của anh Ng rồi đem về phòng trọ và cùng với bị cáo H đăng lên mạng xã hội facebook rao bán và cùng nhau mang xe đến khu Công nghiệp Tân Bình, bán cho một người nam giới được 6.000.000 đồng. Hành vi này của bị cáo là hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, vì ý định chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã có từ trước, việc bị cáo giả vờ mượn xe để đi dọn đồ chẳng qua là đưa ra thông tin gian dối để anh Ng tin và giao xe cho bị cáo để bị cáo thực hiện được hành vi chiếm đoạt của mình.

Đối với bị cáo H mặc dù không trực tiếp chiếm đoạt chiếc xe của anh Ng, nhưng bị cáo đã được bị cáo N bàn bạc từ trước về việc chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Ng và bị cáo cũng đồng ý với cách thức chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Ng của bị cáo N. Sau khi bị cáo N chiếm đoạt xe của anh Ng xong thì bị cáo đã cùng với bị cáo N đăng bán xe trên mạng xã hội Facebook rồi cùng nhau đi bán, tiền thì sử dụng để phục vụ sinh hoạt chung cho cả hai bị cáo, do đó bị cáo cũng

phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm do bị cáo N thực hiện trong vụ án với vai trò đồng phạm.

[3] Các bị cáo là người có năng lực hành vi trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu và quản lý tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

[5] Từ những phân tích trên và căn cứ vào Kết luận định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Quận 12 số 406/KLĐG ngày 19/9/2018 thì xe mô tô do các bị cáo chiếm đoạt trong vụ án có giá 14.500.000 đồng thì hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra không chỉ xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại mà còn gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo lại có nhân thân rất xấu đã bị xử lý hình sự nhiều lần về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo Lê Thị Tuyết N có một tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 70/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 tháng 05 ngày tù chưa được xóa án tích; bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H có 02 tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 56/2017/HSPT ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xử phạt bị cáo 03 tháng 02 ngày tù và Bản án số 70/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 03 tháng tù chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội là thuộc trường hợp tái phạm quy định tại khoản 1 Điều 53 và là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; thể hiện các bị cáo là người có lối sống buông thả, bất chấp pháp luật nên cần phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

Mặc dù tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra các bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tuy nhiên các bị cáo có nhân thân rất xấu, từng bị xử lý hình sự nhiều lần về hành vi tương tự, thể hiện các bị cáo không có thái độ ăn năn hối cải. Do đó không thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[7] Bị cáo Lê Thị Tuyết N và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H khi bị đưa ra xét xử về hành vi phạm tội này, các bị cáo đang thi hành các bản án hình sự khác đã có hiệu lực pháp luật do đó cần tổng hợp hình phạt của các bản án mà các bị cáo đang thi hành hình phạt tù với bản án này để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đối với yêu cầu của người bị hại anh Võ Chí Ng buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền 14.500.000 đồng là giá trị chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt trong vụ án. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo chấp nhận yêu cầu này của bị hại nên cần áp dụng Điều 3, Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận

sự thỏa thuận của các bị cáo và người bị hại, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Võ Chí Ng 14.500.000 đồng, phân định bị cáo Lê Thị Tuyết N bồi thường 7.500.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H bồi thường 7.000.000 đồng, bồi thường một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án và cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế thi hành án nếu các bị cáo không thực hiện nghĩa vụ bồi thường số tiền trên thì còn phải trả cho người bị hại tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[9] Về vật chứng: Không có gì nên không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cần buộc mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng, bị cáo Lê Thị Tuyết N phải chịu 375.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Lê Thị Tuyết N** và **Nguyễn Thị Ngọc H** phạm tội **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Lê Thị Tuyết N**: 02 (hai) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản” của Bản án số 04/2019/HSST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và hình phạt 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Bản án số 43/2019/HSST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là **06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2018.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc H**: 02 (hai) năm tù;

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Bản án số 70/2017/HSST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản” của Bản án số 04/2019/HSST ngày 26/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Bản án số 43/2019/HSST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả ba bản án là **06 (sáu) năm 09 (chín) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2018.

Áp dụng Điều 3, Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo Lê Thị Tuyết N và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H với người bị hại anh Võ Chí Ng, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Võ Chí Ng 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng, phân định bị cáo Lê Thị Tuyết N bồi thường 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H bồi thường 7.000.000 (bảy triệu) đồng, bồi thường một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án và cơ quan thi hành án ra quyết định cưỡng chế thi hành án nếu các bị cáo không thực hiện nghĩa vụ bồi thường số tiền trên thì còn phải trả cho người bị hại tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Lê Thị Tuyết N phải chịu 375.000 (ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|------|
| - TAND Tp. Hồ Chí Minh; | (01) |
| - VKSND Quận 12; | (02) |
| - THADS Quận 12; | (01) |
| - THAHS Quận 12; | (08) |
| - Phòng PC27 CA Tp. HCM; | (01) |
| - Công an Quận 12; | (04) |
| - Bị cáo; | (02) |
| - Người tham gia tố tụng khác; | (02) |
| - Lưu hồ sơ vụ án. T 20/. | (04) |

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Đình Lăng